

Số: **293**/TB-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày **21** tháng **05** năm 2025

THÔNG BÁO

Về thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung

1. Tên Trường: Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh

2. Mã tuyển sinh: DFA

3. Địa chỉ trụ sở:

Như Quỳnh – Văn Lâm – Hưng Yên

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://ufba.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02213.590.459 – 02213.980.756

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án: <https://tuyensinh.ufba.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai thông tin về hoạt động của trường: <https://ufba.edu.vn>

II. Thông tin tuyển sinh đào tạo đại học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương.

2. Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục - Đào tạo (Mã 301);

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (Mã 402);

Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mã 100);

Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ THPT hoặc tương đương (Mã 200);

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa

các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1 Quy đổi ngưỡng đầu vào

Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

3.2 Quy đổi điểm trúng tuyển: Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

3.3 Khung quy đổi tương đương

3.3.1. Khung quy đổi điểm bài thi đánh giá năng lực

Khung quy đổi đưa ra các khoảng điểm của bài thi ĐGNL và khoảng điểm các *tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT phù hợp* theo phương pháp bách phân vị trên cơ sở phân tích kết quả thi của ***những thí sinh có cả điểm bài thi riêng và điểm tổ hợp môn thi tốt nghiệp tương ứng*** của năm 2025. Các khoảng điểm được xếp tương ứng với tốp 0,5%, 1%, 3%, 5%, 10%... như sau:

Khung quy đổi điểm trúng tuyển theo bài thi đánh giá năng lực về điểm trúng tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT

TỐP	Điểm bài thi ĐGNL	Điểm các tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT phù hợp			
		A00	A01	D01	...
0,5%	X0	A0	B0	D0	
1%	X1	A1	B1	D1	
2%	X2	A2	B2	D2	
3%	X3	A3	B3	D3	
5%	X4	A4	B4	D4	
10%	X5	A5	B5	D5	
20%	X6	A6	B6	D6	
30%	X7	A7	B7	D7	
50%	X8	A8	B8	D8	
...	...	...	...	...	

Ghi chú: Các mức điểm ở dòng đầu (X0, A0, B0, D0...) được tính bằng trung bình cộng của 3 thí sinh có điểm cao nhất tương ứng với mỗi bài thi, tổ hợp môn thi.

Đại học Quốc gia Hà Nội công bố bách phân vị của kết quả bài thi riêng

năm 2025 trước ngày 31/5/2025; chậm nhất 30/6/2025 đối với các bài thi có kết quả công bố sau 31/05/2025. Trên cơ sở các số liệu này, điểm trúng tuyển và ngưỡng đầu vào của từng ngành cụ thể sẽ được quy đổi tuyển tính trong từng khoảng điểm. Ví dụ, điểm trúng tuyển theo tổ hợp A00 (T_A00) nằm trong khoảng A2 - A3 sẽ được quy đổi tương đương sang điểm trúng tuyển theo điểm thi HSA (T_HSA) theo công thức:

$$T_HSA = HSA3 + (T_A00 - A3) \times (HSA2 - HSA3) / (A2 - A3)$$

3.3.2. Khung quy đổi giữa các tổ hợp sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT

Việc xác định mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp sẽ dựa trên đối sánh phổ điểm do Bộ GDĐT công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo từng khoảng điểm trúng tuyển.

3.3.3. Khung quy đổi điểm trúng tuyển từ kết quả học tập THPT

Sau khi Bộ GDĐT công bố các số liệu thống kê về tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT, Nhà trường sẽ xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào phù hợp.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1.	DFA	Kinh tế học	7310101	Kinh tế (Chuyên ngành: Quản lý kinh tế; Kinh tế-Luật)	40	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C04) Phương thức 4: Mã 200 (A00; A01; D01; C04)
2.	DFA	Kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp; Quản trị Marketing;	300	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C04) Phương thức 4:

				<i>Quản trị kinh doanh du lịch</i>		Mã 200 (A00; A01; D01; C04)
3.	DFA	Kinh doanh	7340120	Kinh doanh quốc tế (<i>Chuyên ngành: Thương mại quốc tế</i>)	50	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C14) Phương thức 4: Mã 200 (A00; A01; D01; C14)
4.	DFA	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	7340201	Tài chính- Ngân hàng (<i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp; Thuế; Ngân hàng; Thẩm định giá</i>)	200	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C14) Phương thức 4: Mã 200 (A00; A01; D01; C14)
5.	DFA	Kế toán – Kiểm toán	7340301	Kế toán (<i>Chuyên ngành: Kế toán công, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán tin</i>)	400	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C03) Phương thức 4: Mã 200 (A00; A01; D01; C03)
6.	DFA	Kế toán – Kiểm toán	7340302	Kiểm toán (<i>Chuyên ngành: Kiểm toán</i>)	40	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C03) Phương thức 4: Mã 200 (A00; A01; D01; C03)

7.	DFA	Quản trị - Quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý (<i>Chuyên ngành: Công nghệ Thương mại điện tử</i>)	30	Phương thức 1: Mã 301 Phương thức 2: Mã 402 (Q00) Phương thức 3: Mã 100 (A00; A01; D01; C04) Phương thức 4: Mã 200 (A00; A01; D01; C01)
Tổng					1060	

Danh sách tổ hợp môn xét tuyển

Mã tổ hợp	Danh sách môn xét tuyển
Q00	Toán học và xử lý số liệu, Văn học – Ngôn ngữ, Khoa học (Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức)
A00	Toán, Vật Lý, Hóa Học
A01	Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
D01	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh
C01	Ngữ Văn, Toán, Vật Lý
C03	Ngữ Văn, Toán, Lịch sử
C04	Ngữ Văn, Toán, Địa Lý
C14	Ngữ Văn, Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật

5. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể dự kiến như sau:

- Phương thức 1: Dự kiến nhận hồ sơ và tổ chức xét tuyển từ ngày 21/5/2025 đến ngày 30/6/2025. Nhà trường thực hiện xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống trước ngày 15/7/2025. Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

- Phương thức 2, 3, 4: Đợt xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và thực hiện xét tuyển bổ sung (nếu còn chỉ tiêu).

6. Chính sách ưu tiên

6.1. Chính sách ưu tiên chung

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0.25 điểm, Khu vực 2 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2.0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 07 đến 07) là 1.0 điểm;

- Các mức ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số);

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (Khi quy về thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7.5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

6.2. Xét tuyển thẳng

Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Học phí: 408.000 đồng/tín chỉ (Khoảng 8.000.000 đồng/học kỳ)

9. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Khoa học xã hội và hành vi							
1.1	Kinh tế học							
1.1.1	Kinh tế							

1.1.1.1	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
1.1.1.2	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	3		15	3		18
1.1.1.3	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	10	12	15	10	11	20.5
1.1.1.4	Kinh tế	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	15	18	18	16	20	24.5
2	Kinh doanh và quản lý							
2.1	Kinh doanh							
2.1.1	Kinh doanh quốc tế							
2.1.1.1	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
2.1.1.2	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	8	1	15	3		15
2.1.1.3	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	35	18	15	18	18	15
2.1.1.3	Kinh doanh quốc tế	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	45	24	18	23	35	18
2.1.2	Quản trị kinh doanh							
2.1.2.1	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
2.1.2.2	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	30	2	15	5	2	15
2.1.2.3	Quản trị kinh doanh	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	90	89	15	90	108	15
2.1.2.4	Quản trị kinh	Phương thức tuyển sinh	138	149	18	144	189	18

	doanh	xét theo kết quả học tập THPT						
2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
2.2.1	Tài chính - Ngân hàng							
2.2.1.1	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
2.2.1.2	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	24	2	15	5	2	15
2.2.1.3	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	68	74	18	60	77	18
2.2.1.4	Tài chính - Ngân hàng	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	114	67	18	79	143	18
2.3	Kế toán - Kiểm toán							
2.3.1	Kế toán							
2.3.1.1	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
2.3.1.2	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	40	3	15	6	5	15
2.3.1.3	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	150	188	18	175	102	18
2.3.1.4	Kế toán	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	238	201	18	208	257	18
2.3.2	Kiểm toán							
2.3.2.1	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
2.3.2.1	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học	3	2	15	4	1	15

		Quốc gia Hà Nội tổ chức						
2.3.2.3	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	10	12	18	5	9	18
2.3.2.4	Kiểm toán	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	25	13	18	12	23	18
2.4	Quản trị - Quản lý							
2.4.1	Hệ thống thông tin quản lý							
2.4.1.1	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét tuyển thẳng	2			1		
2.4.1.2	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	2	1	15	2		15
2.4.1.3	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT	5	4	15	5	9	15
2.4.1.4	Hệ thống thông tin quản lý	Phương thức tuyển sinh xét theo kết quả học tập THPT	16	12	18	12	23	18
	Tổng		1060	892		900	1034	

10. Thông tin liên lạc

Phòng Quản lý đào tạo, thị trấn Như Quỳnh - Văn Lâm - Hưng Yên.

Điện thoại: 02213.985.808 - 02213.590.459.

Hotline: 0988.956.594

Website: <https://ufba.edu.vn>; <https://tuyensinh.ufba.edu.vn>

Fanpage: <https://www.facebook.com/DaiHocTaiChinhQuanTriKinhDoanh>

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT;
- Các đơn vị;
- CTTĐT Trường;
- Lưu: VT; QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa